

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2024

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

(Kèm theo Tờ trình số 176 /TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

| S<br>T<br>T | Tên đơn vị (1)  | Dự toán giao trong năm |                                                                |                                                           |                       |                          |                     | Quyết toán          |                       |                                     |                                       |                  |                                     |                                     |            |                          |                        |                                     | So sánh (%)                          |          |                                   |                        |
|-------------|-----------------|------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|------------|--------------------------|------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|----------|-----------------------------------|------------------------|
|             |                 | Tổng số                | Chi đầu tư<br>phát triển<br>(Không kê<br>chương trình<br>MTQG) | Chi thường<br>xuyên<br>(Không kê<br>chương trình<br>MTQG) | Chi chương trình MTQG |                          |                     | Tổng số             | Chi đầu tư phát triển |                                     |                                       | Chi thường xuyên |                                     |                                     | Chi CTMTQG |                          |                        | Chi chuyển<br>nguồn sang<br>năm sau | Chi<br>nộp trả ngân<br>sách cấp trên | Tổng số  | Chi<br>đầu<br>tư<br>phát<br>triển | Chi<br>thường<br>xuyên |
|             |                 |                        |                                                                |                                                           | Tổng số               | Chi đầu tư<br>phát triển | Chi thường<br>xuyên |                     | Tổng số               | Trong đó                            |                                       | Tổng số          | Trong đó                            |                                     | Tổng số    | Trong đó                 |                        |                                     |                                      |          |                                   |                        |
|             |                 |                        |                                                                |                                                           |                       |                          |                     |                     |                       | Chi giáo<br>dục đào tạo<br>dạy nghề | Chi<br>khoa<br>học và<br>công<br>nghệ |                  | Chi giáo<br>dục đào tạo<br>dạy nghề | Chi khoa<br>học và công<br>nghệ (3) |            | Chi đầu tư<br>phát triển | Chi<br>thường<br>xuyên |                                     |                                      |          |                                   |                        |
| A           | B               | 1=2+3+4                | 2                                                              | 3                                                         | 4=5+6                 | 5                        | 6                   | 7=8+11+14+17<br>+18 | 8                     | 9                                   | 10                                    | 11               | 12                                  | 13                                  | 14         | 15                       | 16                     | 17                                  | 18                                   | 19=7/1   | 20=(8+15)<br>/(2+5)               | 21=(11+16)<br>/(3+6)   |
|             | TỔNG SỐ         | 346.578,93             | 88.487,03                                                      | 235.334,17                                                | 22.757,73             | 17.307,55                | 5.450,18            | 425.818,55          | 94.787,45             | 5.739,14                            | -                                     | 266.756,84       | 573,02                              | -                                   | 22.215,47  | 17.307,55                | 4.907,92               | 24.936,25                           | 17.122,55                            | 122,86   | 105,96                            | 113,35                 |
| 1           | Thị trấn Hà Lam | 25.745,96              | 16.095,78                                                      | 9.604,08                                                  | 46,10                 | -                        | 46,10               | 36.799,24           | 14.204,52             | -                                   | -                                     | 15.711,14        | 30,00                               | -                                   | 46,10      | -                        | 46,10                  | 4.800,79                            | 2.036,69                             | 142,93   | 88,25                             | 163,28                 |
| 2           | Bình Dương      | 17.354,46              | 3.984,57                                                       | 12.164,31                                                 | 1.205,58              | 367,00                   | 838,58              | 20.255,12           | 4.024,57              | 2.180,57                            | -                                     | 13.355,34        |                                     | -                                   | 1.205,58   | 367,00                   | 838,58                 | 1.387,17                            | 282,47                               | 116,71   | 100,92                            | 109,16                 |
| 3           | Bình Giang      | 15.814,47              | 1.450,00                                                       | 12.672,10                                                 | 1.692,37              | 975,38                   | 716,99              | 17.869,80           | 1.597,93              | 320,00                              | -                                     | 13.272,31        | 30,18                               | -                                   | 1.673,31   | 975,38                   | 697,94                 | 1.238,79                            | 87,45                                | 113,00   | 106,10                            | 104,34                 |
| 4           | Bình Triều      | 12.287,18              | 1.418,65                                                       | 10.630,83                                                 | 237,71                | 135,00                   | 102,71              | 14.298,29           | 1.463,65              | -                                   | -                                     | 11.235,26        |                                     | -                                   | 237,71     | 135,00                   | 102,71                 | 1.158,83                            | 202,84                               | 116,37   | 102,90                            | 105,63                 |
| 5           | Bình Đào        | 15.033,91              | 2.619,19                                                       | 11.224,78                                                 | 1.189,94              | 991,00                   | 198,94              | 15.865,90           | 2.619,09              | 439,90                              | -                                     | 11.590,62        | 33,20                               | -                                   | 1.189,94   | 991,00                   | 198,94                 | 451,40                              | 14,85                                | 105,53   | 100,00                            | 103,20                 |
| 6           | Bình Minh       | 2.722,07               | 547,33                                                         | 2.149,62                                                  | 25,12                 | -                        | 25,12               | 31.129,92           | 5.546,56              | -                                   | -                                     | 13.010,57        |                                     | -                                   | 25,12      | -                        | 25,12                  | 1.773,80                            | 10.773,87                            | 1.143,61 | 1.013,39                          | 599,41                 |
| 7           | Bình Hải        | 11.677,00              | 1.068,36                                                       | 10.440,51                                                 | 168,13                | -                        | 168,13              | 13.025,47           | 1.291,36              | -                                   | -                                     | 11.091,70        |                                     | -                                   | 168,13     | -                        | 168,13                 | 341,09                              | 133,18                               | 111,55   | 120,87                            | 106,14                 |
| 8           | Bình Nam        | 21.693,77              | 6.854,80                                                       | 11.509,71                                                 | 3.329,27              | 3.195,10                 | 134,17              | 23.101,11           | 5.548,35              | 881,66                              | -                                     | 12.196,75        | 36,00                               | -                                   | 3.329,27   | 3.195,10                 | 134,17                 | 1.976,74                            | 50,00                                | 106,49   | 87,00                             | 105,90                 |
| 9           | Bình Sa         | 14.501,38              | 2.555,60                                                       | 11.911,95                                                 | 33,83                 | -                        | 33,83               | 15.738,44           | 3.201,21              | -                                   | -                                     | 12.087,78        | 5,00                                | -                                   | 33,83      | -                        | 33,83                  | 415,63                              | -                                    | 108,53   | 125,26                            | 101,47                 |
| 10          | Bình Phúc       | 12.270,95              | 1.527,35                                                       | 9.564,99                                                  | 1.178,61              | 210,42                   | 968,19              | 14.529,64           | 1.757,35              | -                                   | -                                     | 10.620,91        |                                     | -                                   | 1.175,50   | 210,42                   | 965,08                 | 578,78                              | 397,09                               | 118,41   | 113,24                            | 110,00                 |
| 11          | Bình Nguyên     | 11.458,70              | 2.178,10                                                       | 9.203,33                                                  | 77,27                 | -                        | 77,27               | 15.208,81           | 2.717,10              | -                                   | -                                     | 10.787,88        | 34,05                               | -                                   | 77,27      | -                        | 77,27                  | 1.302,47                            | 324,10                               | 132,73   | 124,75                            | 117,07                 |
| 12          | Bình Từ         | 20.451,85              | 6.465,82                                                       | 13.428,77                                                 | 557,27                | -                        | 557,27              | 25.246,44           | 8.519,02              | 178,15                              | -                                     | 13.850,32        | 35,40                               | -                                   | 57,27      | -                        | 57,27                  | 1.354,42                            | 1.465,42                             | 123,44   | 131,75                            | 99,44                  |
| 13          | Bình Trung      | 17.679,68              | 5.534,75                                                       | 11.944,69                                                 | 200,24                | -                        | 200,24              | 21.091,99           | 4.686,89              | -                                   | -                                     | 12.765,73        |                                     | -                                   | 195,87     | -                        | 195,87                 | 2.788,05                            | 655,44                               | 119,30   | 84,68                             | 106,72                 |
| 14          | Bình An         | 17.712,18              | 4.515,48                                                       | 11.569,68                                                 | 1.627,01              | 1.573,20                 | 53,81               | 20.131,39           | 2.084,94              | -                                   | -                                     | 14.601,33        |                                     | -                                   | 1.627,01   | 1.573,20                 | 53,81                  | 1.775,99                            | 42,12                                | 113,66   | 60,08                             | 126,08                 |
| 15          | Bình Quế        | 16.016,88              | 4.711,45                                                       | 10.117,06                                                 | 1.188,38              | 1.132,88                 | 55,49               | 16.971,77           | 5.206,77              | 254,96                              | -                                     | 10.083,55        | 36,00                               | -                                   | 1.185,99   | 1.132,88                 | 53,10                  | 448,05                              | 47,42                                | 105,96   | 108,48                            | 99,65                  |
| 16          | Bình Phú        | 34.126,65              | 5.939,54                                                       | 23.407,01                                                 | 4.780,11              | 4.398,00                 | 382,11              | 35.621,63           | 6.501,17              | 137,95                              | -                                     | 23.477,90        | 65,21                               | -                                   | 4.780,11   | 4.398,00                 | 382,11                 | 845,15                              | 17,29                                | 104,38   | 105,43                            | 100,30                 |
| 17          | Bình Quý        | 13.853,73              | 2.256,59                                                       | 10.612,49                                                 | 984,65                | 934,00                   | 50,65               | 18.084,77           | 3.524,28              | -                                   | -                                     | 12.203,59        | 127,52                              | -                                   | 984,65     | 934,00                   | 50,65                  | 1.242,23                            | 130,00                               | 130,54   | 139,73                            | 114,92                 |
| 18          | Bình Định       | 32.153,32              | 9.350,92                                                       | 21.618,76                                                 | 1.183,63              | 735,39                   | 448,25              | 33.331,72           | 9.880,55              | 1.188,76                            | -                                     | 21.943,95        | 71,60                               | -                                   | 1.183,63   | 735,39                   | 448,25                 | 154,79                              | 168,79                               | 103,66   | 105,25                            | 101,47                 |
| 19          | Bình Trị        | 14.225,80              | 3.677,21                                                       | 10.461,45                                                 | 87,14                 | -                        | 87,14               | 14.943,30           | 3.907,58              | 157,20                              | -                                     | 10.831,05        | 34,67                               | -                                   | 87,14      | -                        | 87,14                  | 116,49                              | 1,04                                 | 105,04   | 106,26                            | 103,50                 |
| 20          | Bình Lãnh       | 19.799,00              | 5.735,55                                                       | 11.098,06                                                 | 2.965,38              | 2.660,18                 | 305,20              | 22.573,80           | 6.504,55              | -                                   | -                                     | 12.039,15        | 34,20                               | -                                   | 2.952,05   | 2.660,18                 | 291,87                 | 785,57                              | 292,48                               | 114,01   | 109,16                            | 108,14                 |